



Race & Performance Lubricants

ENGINE BREAK-IN OIL

SAE 10W-40

**Dầu nhớt chạy rà
động cơ chuyên dụng**



946 ml

MÔ TẢ SẢN PHẨM

VP Racing Engine Break-In Oil SAE 10W-40 phát triển dành riêng cho quá trình chạy rà động cơ mới lắp ráp hoặc động cơ vừa đại tu trên băng thử (dyno break-in)

Công thức chứa hàm lượng ZDDP (Zinc Dialkyldithiophosphate) cao, giúp tạo lớp bảo vệ trên các bề mặt kim loại, hỗ trợ quá trình làm quen giữa piston, xéc-măng, trục cam và các chi tiết chuyển động.

Sản phẩm giúp hỗ trợ quá trình tạo độ kín, giảm mài mòn bất thường trong giai đoạn đầu vận hành.

Đây không phải là dầu nhớt sử dụng trong thi đấu hoặc vận hành lâu dài. Sau khi hoàn thành quá trình break-in, cần xả bỏ và thay bằng racing oil phù hợp.

TÍNH NĂNG:

1/ Hỗ trợ quá trình break-in động cơ

- Giúp piston, xéc-măng và thành xi-lanh nhanh chóng đạt độ kín.
- Hỗ trợ quá trình mài rà diễn ra đúng cách.
- Giúp động cơ đạt trạng thái vận hành ổn định sau break-in.

2/ Hàm lượng ZDDP cao

- Tạo lớp bảo vệ trên bề mặt kim loại.
- Hỗ trợ bảo vệ trục cam, cò mổ, bạc và các chi tiết chịu tải.
- Giảm nguy cơ mài mòn trong giai đoạn đầu.

3/ Hỗ trợ làm kín xéc-măng

- Giúp xéc-măng tiếp xúc tốt hơn với thành xi-lanh.
- Hỗ trợ duy trì áp suất buồng đốt.



MAKIN' POWER!

Products from the USA | VPLubricant.com



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- **Ứng dụng:** VP Engine Break-In Oil nên được sử dụng trong: 15–20 lần kéo tải ban đầu (initial pulls) trên băng thử (dyno) hoặc 50–100 dặm vận hành trên đường (~80–160 km)
- **Quy trình sử dụng:**
 - Sau khi hoàn thành lắp ráp động cơ, đổ Break-In Oil vào động cơ.
 - Chạy break-in theo quy trình dyno có kiểm soát.
 - Theo dõi áp suất dầu và nhiệt độ động cơ.
 - Sau khi hoàn thành break-in:
 - Xả dầu khi dầu còn nóng.
 - Kiểm tra lọc dầu.
 - Thay bằng racing oil phù hợp.
- **Lưu ý:**
 - Không sử dụng để thi đấu.
 - Không sử dụng như dầu vận hành lâu dài.
 - Không tính chu kỳ thay theo km.

THÀNH PHẦN

Dầu gốc khoáng tinh chế cao (High Quality Mineral Base Oil), phụ gia chống mài mòn ZDDP, phụ gia chống oxy hóa, phụ gia chống ăn mòn, chất tẩy rửa/phân tán và các phụ gia hiệu suất cao khác.

BẢO QUẢN - SỬ DỤNG

- Bảo quản nơi khô ráo, tránh nhiệt trực tiếp (< 60°C).
- Đậy kín khi không sử dụng.

AN TOÀN & MÔI TRƯỜNG

- Tránh xa tầm tay trẻ em.
- Thu gom và xử lý chất thải đúng quy định.
- Không xả ra môi trường (đất, nước, cống).

THÔNG TIN SẢN XUẤT

VP Racing Fuels, Inc. 10205 Oasis Street, San Antonio, Texas, USA
Tel: +1-210-635-7744 | Website: <https://www.vpracingfuels.com>



MAKIN' POWER!

Products from the USA | [VPLubricant.com](https://www.vplubricant.com)



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đặc tính	Phương pháp	Giá trị
Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	ASTM D445	99.8
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	ASTM D7042	15.3
Chỉ số độ nhớt (VI)	Tính toán	162
Tỷ trọng riêng @60°F	Tính toán	0.875
API Gravity	Tính toán	30.3
Điểm chớp cháy (°C)	ASTM D92	215
Điểm đông đặc (°C)	ASTM D97	-38

Lưu ý: Các đặc tính trên là giá trị điển hình của sản phẩm hiện tại. Sự thay đổi có thể xảy ra tùy thuộc vào công thức pha chế và địa điểm sản xuất. Thông tin trên có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

